

**BỘ NÔNG NGHIỆP  
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Số: **4068** /BNN-CB

V/v: phối hợp triển khai xây dựng Quy  
hoạch thương nhân kinh doanh xuất  
khẩu gạo

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày **26** tháng 11 năm 2012

Kính gửi: Bộ Công Thương

Phúc đáp công văn số 10111/BCT-XNK ngày 23/10/2012 của Bộ Công Thương về việc phối hợp triển khai xây dựng Quy hoạch thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có ý kiến như sau:

Bộ Nông nghiệp và PTNT đề nghị Bộ Công Thương xây dựng Đề cương sơ bộ của Quy hoạch thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo. Trên cơ sở đó, Bộ Nông nghiệp và PTNT sẽ tham gia bổ sung, đóng góp ý kiến cho Quy hoạch.

Về thông tin, số liệu, Bộ Nông nghiệp và PTNT cung cấp một số nội dung như sau:

**I. KẾT QUẢ SẢN XUẤT LÚA GẠO NĂM 2012**

**1. Kết quả sản xuất lúa năm 2012**

Diện tích lúa cả năm ước đạt khoảng 7,760 triệu ha (tăng 108 ngàn ha so với năm 2010), NS: 56,5 tạ/ha (tăng 1,2 tạ/ha), sản lượng ước đạt khoảng 43,762 triệu tấn thóc (tăng 1,45 triệu tấn so với năm 2011). Trong đó diện tích lúa ĐX đạt 3.121 ngàn ha (tăng 26 ngàn ha), NS đạt 65,0 tạ/ha (tăng 1,1 tạ/ha), SL đạt khoảng 20,276 triệu tấn (tăng 495 ngàn tấn); lúa HT đạt 2.174 ngàn ha (tăng 35 ngàn ha), năng suất đạt 54,2 tạ/ha (tăng 2,0 tạ/ha), SL đạt 11.784 ngàn tấn (tăng 629 ngàn tấn); Diện tích lúa TĐ đạt 730 ngàn ha (tăng 67 ngàn ha), NS đạt 48,0 tạ/ha, SL đạt 3.504 ngàn tấn (tăng 275 tấn/ha); lúa mùa đạt: 1.735 nghìn ha (giảm 20 ngàn ha), NS đạt 47,3 tạ/ha (tăng 0,8 tạ/ha), SL ước đạt khoảng 8,2 triệu tấn (tăng 48 ngàn tấn).

**Bảng 1: Tổng hợp kế hoạch thực hiện sản xuất lúa cả năm 2012**

(DT: nghìn ha, NS: tạ/ha, SL: nghìn tấn)

Vùng	Năm 2011			Năm 2012			Tăng so với năm 2011		
	DT	NS	SL	DT	NS	SL	DT	NS	SL
Cả nước	7.652	55,3	42.315	7,760	56,4	43,762	108	1,1	1,447
Vụ ĐX	3.096	63,9	19.781	3.121	65,0	20.276	26	1,1	495
Vụ HT	2.139	55,2	11.155	2.174	54,2	11.784	635	2,0	629
Vụ TĐ (ĐBSCL)	663	48,7	3.229	730,0	48,0	3.504	67	0,7	275
Vụ Mùa	1,755	6,5	8,150	1,735	47,3	8,198	-20	0,8	48

**1.1. Kết quả sản xuất vụ Đông xuân 2011-2012**

Diện tích sản xuất lúa vụ Đông xuân 2011-2012 trên cả nước đạt khoảng 3.121 ngàn ha, tăng khoảng 26 ngàn ha; NS đạt 65,0 tạ/ha, tăng 1,1 tạ/ha; SL

trước đạt khoảng 20.276 triệu tấn tăng khoảng 26 ngàn tấn so với vụ ĐX năm trước.

**a) Các tỉnh phía Nam.**

Vụ ĐX 2011-2012 diện tích xuống giống lúa đạt 1.964 ngàn ha, năng suất bình quân 66,4 tạ/ha, cao hơn vụ ĐX năm trước khoảng 1,9 tạ/ha, SL đạt 13,042 triệu tấn tăng 493 ngàn tấn; trong đó các tỉnh vùng ĐBSCL tăng 1,7 tạ/ha, SL tăng 332 ngàn tấn; vùng ĐNB năng suất đạt 55,3 tạ/ha, SL đạt 708 ngàn tấn, NS giảm 0,7 tạ/ha, sản lượng vượt 25 ngàn tấn; các tỉnh vùng DHNTB năng suất tăng 3,8 tạ/ha, SL tăng 74 ngàn tấn; các tỉnh vùng Tây Nguyên năng suất tăng 5,9 tạ/ha, SL tăng 62 ngàn tấn so với vụ Đông xuân 2010-2011.

- **Vùng ĐBSCL:** diện tích xuống giống đạt 1.577 ngàn ha đạt % so kế hoạch. Năng suất lúa trung bình toàn vùng đạt 68,6 tạ/ha cao hơn năm trước 1,7 tạ/ha. Sản lượng đạt khoảng 10,818 triệu tấn, cao hơn năm trước khoảng 493 ngàn tấn.

- *Thời vụ:* Thực hiện xuống giống đồng loạt, tập trung và né rầy trong toàn vùng, căn cứ vào dự báo rầy nâu di trú của từng tỉnh trên cơ sở theo dõi bầy đàn.

- *Về cơ cấu giống lúa:* Trong vụ Đông Xuân 2011-2012 cơ cấu giống lúa về cơ bản đã được áp dụng theo khuyến cáo của Bộ Nông nghiệp và PTNT. Các giống lúa chủ lực bao gồm: IR50404, OM2517, VND95-20, Jasmine 85, OM576, OM2514, OM2717, OM4218, OMCS2000, ML48, VD20... Ngoài ra một số giống lúa mới được Bộ NN&PTNT công nhận cũng có sự phát triển nhanh chóng trong sản xuất như: OM4218, OM6162, OM6161, OM4900, OM6561...

Diện tích lúa lai tại các tỉnh ĐBSCL đạt 9.600 ha (chiếm 0,6% diện tích lúa) chủ yếu sử dụng các giống PHB71, PAC807, BTE-1, XL94017, BJ9911...

- *Tình hình sâu bệnh hại và điều kiện bất thuận:* bệnh đạo ôn xảy trên diện rộng; sự xâm nhập mặn cuối vụ gây hại đáng kể cho sản xuất lúa ở vùng ven biển.

**Bảng 2: Diện tích, năng suất, sản lượng lúa các tỉnh phía Nam...**

**vụ Đông Xuân 2011-2012**

(DT: nghìn ha, NS: tạ/ha, SL: nghìn tấn)

Vùng	Năm 2011			Năm 2012			Tăng so với năm 2011		
	DT	NS	SL	DT	NS	SL	DT	NS	SL
<b>Phía Nam</b>	<b>1,944</b>	<b>64.5</b>	<b>12,549</b>	<b>1,964</b>	<b>66.4</b>	<b>13,042</b>	<b>19</b>	<b>1.9</b>	<b>493</b>
<b>DHNTB</b>	<b>177</b>	<b>55.0</b>	<b>973</b>	<b>178</b>	<b>58.8</b>	<b>1.047</b>	<b>1</b>	<b>3.8</b>	<b>74</b>
<b>TN</b>	<b>78</b>	<b>52.2</b>	<b>407</b>	<b>81</b>	<b>58.1</b>	<b>469</b>	<b>3</b>	<b>5.9</b>	<b>62</b>
<b>ĐNB</b>	<b>122</b>	<b>56.0</b>	<b>683</b>	<b>128</b>	<b>55.3</b>	<b>708</b>	<b>6</b>	<b>-0.7</b>	<b>25</b>
<b>ĐBSCL</b>	<b>1,568</b>	<b>66.9</b>	<b>10,487</b>	<b>1,577</b>	<b>68.6</b>	<b>10,818</b>	<b>10</b>	<b>1.7</b>	<b>332</b>

**- Vùng Đông Nam bộ:**

Diện tích xuống giống lúa ĐX 2011-2012 tại các tỉnh đạt khoảng 128 nghìn ha, cao hơn năm trước 6 ngàn ha, năng suất trung bình ước đạt 55,3 tạ/ha; sản lượng ước đạt 708 ngàn tấn, vượt so với năm 2011 khoảng 25 ngàn ha.



**- Các tỉnh vùng DHNTB:**

Diện tích xuống giống lúa ĐX 2011-2012 tại các tỉnh đạt khoảng 178 nghìn ha, cao hơn năm trước 1 ngàn ha, năng suất trung bình ước đạt 58,8 tạ/ha; sản lượng ước đạt 1.047 ngàn tấn, vượt 74 ngàn tấn so với năm 2011.

Diện tích gieo cấy lúa lai tại các tỉnh DHNTB đạt 11.150 ha (chiếm 6,4% diện tích lúa).

Các giống lúa lai ba dòng sử dụng: Nhị ưu 838, Nhị ưu 63, D ưu 527, Dương quang 18, CNR36, Nghi hương 305, CT16, HYT100, Bio404, PAC807....

**- Các tỉnh vùng Tây Nguyên:**

Điều kiện thời tiết, nước tưới thuận lợi cho việc xuống giống, sinh trưởng phát triển trổ bông và chín của lúa.

Diện tích xuống giống lúa ĐX 2011-2012 tại các tỉnh đạt khoảng 81 nghìn ha, cao hơn năm trước 3 ngàn ha, năng suất trung bình ước đạt 58,1 tạ/ha; sản lượng đạt 469 ngàn tấn, vượt 62 ngàn tấn so với năm 2011; tại các tỉnh Tây Nguyên diện tích gieo cấy lúa lai đạt 7.950 ha (chiếm 10,5% diện tích lúa).

**b) Các tỉnh phía Bắc :**

**- Diện tích gieo cấy, tình hình sinh trưởng phát triển của lúa**

Tổng diện tích các tỉnh phía Bắc ước đạt 1.158 nghìn ha (vùng ĐBSH: 565 nghìn ha, vùng BTB: 347 nghìn ha, vùng TDMNPB: 246 nghìn ha) tăng khoảng 7 nghìn ha so với vụ ĐX 2010-2011, trong đó diện tích ở vùng ĐBSH giảm khoảng 1 ngàn ha, vùng BTB tăng 2 ngàn ha và TDMNPB tăng khoảng 3 ngàn ha so với vụ ĐX năm trước. Diện tích lúa gieo thẳng của các địa phương đạt 240 ngàn ha.

Diện tích lúa lai đạt 388 ngàn ha; trong đó các tỉnh ĐBSH đạt 142,3 ngàn ha (25,3%), các tỉnh BTB đạt 144 ngàn ha (41,6%), các tỉnh TDMNPB đạt 101 ngàn ha chiếm 41% diện tích lúa của vùng.

Sản lượng lúa các tỉnh phía Bắc ước đạt 7,235 triệu tấn, cao hơn vụ ĐX2011-2012 khoảng 3 ngàn tấn.

**Bảng 3: Diện tích, năng suất, sản lượng lúa các tỉnh phía Bắc vụ Đông Xuân 2011-2012**

(DT: nghìn ha, NS: tạ/ha, SL: nghìn tấn)

Vùng	Năm 2011			Năm 2012			Tăng so với năm 2011		
	DT	NS	SL	DT	NS	SL	DT	NS	SL
<b>Phía Bắc</b>	<b>1,151</b>	<b>62.8</b>	<b>7,232</b>	<b>1,158</b>	<b>62.5</b>	<b>7,235</b>	<b>7</b>	<b>(0.3)</b>	<b>3</b>
<b>ĐBSH</b>	<b>566</b>	<b>66.9</b>	<b>3,787</b>	<b>565</b>	<b>66.2</b>	<b>3,740</b>	<b>-1</b>	<b>(0.7)</b>	<b>-46</b>
<b>TDMNPB</b>	<b>241</b>	<b>56.8</b>	<b>1,367</b>	<b>246</b>	<b>56.1</b>	<b>1,378</b>	<b>5</b>	<b>(0.7)</b>	<b>11</b>
<b>BTB</b>	<b>345</b>	<b>60.3</b>	<b>2,079</b>	<b>347</b>	<b>61.0</b>	<b>2,117</b>	<b>2</b>	<b>0.7</b>	<b>38</b>

**1.2. Kết quả sản xuất vụ hè thu, vụ mùa 2012**

Diện tích lúa HT cả nước đạt 2.174 ngàn ha, NSTB đạt 54,2 tạ/ha, SL đạt 11.874 ngàn tấn, vượt 629 ngàn tấn so với cùng kỳ năm trước.

- Các tỉnh phía Nam: diện tích xuống giống đạt 2.011 ngàn ha, năng suất đạt 54,8 tạ/ha, sản lượng đạt 10.977 triệu tấn, vượt 597 ngàn tấn so với năm trước.

Các tỉnh ĐHNTB diện tích xuống giống đạt 165 ngàn ha, năng suất đạt 57,9 tạ/ha, sản lượng đạt 955 ngàn tấn, vượt 17 ngàn tấn; Các tỉnh TN diện tích xuống giống đạt 6 ngàn ha, NS đạt 45,5 tạ/ha, SL đạt 28 ngàn tấn; các tỉnh ĐNB diện tích lúa đạt 146 ngàn ha, NS đạt 50 ngàn tấn, SL đạt 731 ngàn tấn, vượt so với năm 2011 khoảng 5 ngàn tấn.

Vụ mùa 2012, diện tích lúa cả nước đạt 1.735 ha, NSTB đạt 47,3 tạ/ha, SL đạt 8.198 ha, vượt 48 ngàn ha so với năm 2011; trong đó các tỉnh phía Bắc diện tích lúa đạt 1.176 ngàn ha, NS đạt 49,2 tạ/ha, SL đạt 5.790 ngàn tấn, giảm 43 ngàn tấn so với vụ mùa năm 2011; nguyên nhân do DT lúa giảm 17 ngàn ha so với năm 2011 và một số tỉnh như Thái Bình, Nam Định, Hải Phòng, Quảng Ninh, Ninh Bình... bị ảnh hưởng nặng nề của cơn bão số 8; diện tích bị thiệt hại từ 30 đến 70% là 27.616 ha, trong đó có 8.034 ha lúa phản ứng ánh sáng (lúa còn xanh) và 18.182 ha lúa đến kỳ thu hoạch nhưng chưa thu hoạch kịp; 1.400ha lúa đến kỳ thu hoạch bị thiệt hại trên 70%.

**Bảng 4: Diện tích, năng suất, sản lượng lúa vụ hè thu, vụ mùa 2011-2012**  
(DT: nghìn ha, NS: tạ/ha, SL: nghìn tấn)

Vùng	Năm 2011			Năm 2012			Tăng so với năm 2011		
	DT	NS	SL	DT	NS	SL	DT	NS	SL
<b>Vụ Hè Thu</b>	2,139	52.2	11,155	2,174	54.2	11,784	35	2.0	629
<i>Phía Bắc</i>	167	46.5	775	173	46.8	807	6	0.3	33
<i>Phía Nam</i>	1,972	52.6	10,380	2,001	54.8	10,977	29	2.2	597
<i>DHNTB</i>	165	56.9	939	165	57.9	955	0	1.0	17
<i>TN</i>	6	45.2	28	6	45.5	28	0	0.3	0
<i>ĐNB</i>	146	49.7	726	146	50.0	731	0	0.3	5
<i>ĐBSCL</i>	1,655	52.5	8,687	1,684	55.0	9,262	29	2.5	575
<b>Vụ Mùa</b>	1,755	46.5	8,150	1,735	47.3	8,198	-20	0.8	48
<i>Phía Bắc</i>	1,193	48.9	5,833	1,176	49.2	5,790	-17	0.3	-43
<i>ĐBSH</i>	578	55.1	3,186	572	54.5	3,115	-7	-0.6	-71
<i>TDMNPB</i>	429	43.2	1,854	426	43.8	1,867	-3	0.6	13
<i>BTB</i>	185	42.8	793	178	45.4	808	-7	2.6	15
<i>Phía Nam</i>	562	41.2	2,317	559	43.1	2,408	-3	1.8	91
<i>DHNTB</i>	47	35.0	165	47	38.5	181	0	3.5	16
<i>TN</i>	140	44.5	623	138	45.0	621	-2	0.5	-2
<i>ĐNB</i>	174	44.0	766	174	44.0	766	0	-	0
<i>ĐBSCL</i>	201	38.0	764	200	42.0	840	-1	4.0	76

Diện tích lúa lai các tỉnh phía Bắc đạt 260 ngàn ha chiếm 19,3% diện tích lúa HT, lúa mùa; trong đó các tỉnh ĐBSH đạt 73 ngàn ha (12,9%), TDMNPB đạt 118 ngàn ha (27,7%) và BTB đạt 69 ngàn ha (19,7%).



### 1.3. Kết quả sản xuất lúa vụ Thu đông

Vụ Thu đông các tỉnh ĐBSCL xuống giống đạt 730 ha, năng suất đạt 48 tạ/ha, sản lượng đạt 3.504 ngàn tấn, vượt 275 ngàn tấn so với vụ Thu đông năm 2011.

### 2. Vùng sản xuất gạo hàng hóa tập trung:

Cả nước ta có 2 vùng sản xuất lúa gạo tập trung lớn đó là vùng ĐBSLC và vùng ĐBSH.

- Vùng ĐBSCL là vùng sản xuất lúa gạo hàng hóa chính, sản lượng lúa hàng năm chiếm trên 50% tổng sản lượng lúa của cả nước, có lượng gạo xuất khẩu chiếm khoảng 90% tổng lượng gạo xuất khẩu trên cả nước; tỷ lệ diện tích gieo cấy giống lúa đặc sản khoảng 10%, diện tích gieo cấy lúa chất lượng cao khoảng 60% và có khoảng 30% diện tích gieo cấy giống lúa chất lượng trung bình và thấp.

- Vùng ĐBSH tổng sản lượng lúa hàng năm chiếm từ 15-16% sản lượng lúa cả nước; tỷ lệ diện tích gieo cấy giống lúa đặc sản khoảng 5%, diện tích gieo cấy lúa chất lượng cao khoảng 30% và có khoảng 65% diện tích gieo cấy giống lúa chất lượng trung bình và thấp

### 3. Một số biện pháp kỹ thuật ứng dụng trong canh tác lúa:

- Chương trình IPM.
- Chương trình bón phân theo bảng so màu lá lúa
- Chương trình 3 giảm 3 tăng.
- Tiến bộ khoa học kỹ thuật: giải pháp gieo sạ đồng loạt né rầy trên diện rộng để phòng bệnh vàng lùn, lùn xoắn lá ở đồng bằng sông Cửu Long.
- Chương trình 1 phải 5 giảm
- Kỹ thuật sạ lúa theo hàng.
- Áp dụng cơ giới hóa trong sản xuất lúa.

## II. CÂN ĐỐI CUNG CẦU, THU MUA TẠM TRỮ LÚA GẠO

### 1. Cân đối cung cầu

Đơn vị: triệu tấn lúa, gạo

	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	KH 2013
Tổng sản lượng lúa (lúa)	40,0	42,3	42,8	42,89
Nhu cầu tiêu dùng nội địa (lúa)	27,7	27,52	27,5	27,6
Cân đối cung cầu (gạo)	6,2	7,4	7,7	7,6
TK của DN năm trước chuyển sang (gạo)	1,45	0,8	1,1	
Số lượng gạo xuất khẩu (gạo)	6,89	7,1	Đến 25/10 XK: 6,24	

### 2. Kết quả thu mua tạm trữ

- Về lượng mua tạm trữ: Cả hai đợt mua tạm trữ thóc gạo vụ Đông Xuân và Hè Thu đều vượt so với kế hoạch và chỉ tiêu đề ra:

+ Vụ Đông Xuân: đã mua tạm trữ 1,205 triệu tấn quy gạo, đạt 120,6% kế hoạch.

+ Vụ Hà Thu: đã mua tạm trữ được 568.235 tấn qui gạo, đạt 113,64% kế hoạch.

- Về giá: Theo báo cáo của Hiệp hội Lương thực Việt Nam về giá mua bình quân tại các doanh nghiệp:

+ Vụ Đông Xuân: Giá mua lúa khô (50404): 5.200 – 5.300 đ/kg; gạo nguyên liệu có độ ẩm dưới 16% (gạo lúc 50404) giá mua: 6.750 – 6.850 đ/kg. Như vậy, theo thông báo của Bộ Tài chính, với giá thành sản xuất lúa bình quân vụ Đông Xuân khoảng 3.200 - 3.300 đ/kg (lúa 50404), thì giá mua nêu trên, chênh lệch giá trên 30% so với giá thành sản xuất.

+ Vụ Hà Thu: Giá mua lúa khô bình quân: 5.600 - 5.700 đ/kg; gạo nguyên liệu loại 1 làm ra gạo 5% tạm giá mua: 7.350 - 7.450 đ/kg. So với trước khi có chủ trương mua gạo tạm trữ, giá thóc tăng 400 – 500 đ/kg, giá gạo nguyên liệu tăng 550 đ/kg thậm chí có lúc tăng 700-1.000 đ/kg (giá thóc, gạo vào thời điểm này trong nước tăng cao còn do ảnh hưởng của giá xuất khẩu gạo thế giới tăng cao). Theo thông báo của Bộ Tài chính, với giá thành sản xuất lúa bình quân vụ Hà Thu khoảng 3.993 đ/kg thì với giá thóc gạo mua như trên, mức chênh lệch giá trên 50% thậm chí 70-80% so với giá thành sản xuất.

### **III. CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC**

#### **1. Về công tác xây dựng chiến lược, quy hoạch thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn**

- Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn đến năm 2020 và tầm nhìn 2030;

- Định hướng chiến lược phát triển Thủy lợi Việt Nam;

- Theo phân công của Chính phủ, Bộ đã xây dựng và tổ chức phê duyệt Đề án "Tăng cường quản lý chất lượng nông lâm thủy sản đảm bảo VSATTP đến năm 2015, định hướng đến năm 2030 ...

#### **2. Về Quy hoạch và xây dựng Nghị định về chính sách quản lý đất lúa**

- Bộ đã hoàn thiện dự án Quy hoạch đất lúa trên cơ sở ý kiến đóng góp của các Bộ ngành, địa phương, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch đất lúa đến năm 2020 và tầm nhìn 2030;

- Phối hợp Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng Nghị định của Chính phủ về chính sách bảo vệ và quản lý đất lúa.

#### **3. Các chính sách khác**

- Quy hoạch hệ thống kho dự trữ 4 triệu tấn lúa tại vùng ĐBSCL;

- Triển khai thực hiện Chương trình giống cây trồng, vật nuôi, giống thủy sản có năng suất, chất lượng cao đáp ứng cho sản xuất (Quyết định số 2194/QĐ-TTg ngày 25/12/2009);

- Triển khai thực hiện Nghị quyết 48/NQ-CP của Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã chủ trì, lấy ý kiến của các Bộ ngành, trình Chính phủ ban hành Quyết định số 63/2010/QĐ-TTg về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất sau thu hoạch đối với nông sản, thủy sản...



#### **4. Về triển khai thực thi Nghị định số 109/2010/NĐ-CP ngày 04/11/2010 của Chính phủ về kinh doanh xuất khẩu gạo**

Theo phân công, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã tiến hành xây dựng dự thảo Quy chuẩn kho chứa lúa, gạo. Hiện nay, dự thảo đã được gửi sang Bộ Khoa học và Công nghệ và sẽ sớm ban hành.

#### **5. Đề xuất phương hướng, giải pháp liên quan đến xây dựng, tổ chức thực hiện qui hoạch thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo**

Có thể nói rằng, Việt Nam từ khi tham gia xuất khẩu gạo năm 1989 và nhất là sau khi Nhà nước bỏ giấy phép xuất khẩu gạo đến nay, việc xuất khẩu gạo và thương nhân xuất khẩu gạo được hình thành một cách tự phát mà không có sự qui hoạch, định hướng nên đã tạo ra một bức tranh quá “nhiều màu sắc” của hoạt động xuất khẩu gạo và thương nhân xuất khẩu gạo hiện nay ở nước ta:

- Số lượng doanh nghiệp, số lượng thương nhân tham gia xuất khẩu gạo quá lớn (khoảng 200 doanh nghiệp) thường tạo nên sự tranh mua, tranh bán không lành mạnh giữa các doanh nghiệp. Mặt khác, số doanh nghiệp – thương nhân xuất khẩu gạo này đã phân bố có nơi (vùng, tỉnh) quá nhiều, có nơi lại rất ít, hoặc phân bố không phù hợp với vùng nguyên liệu sản xuất lúa hàng hóa của từng địa phương.

- Đa số các doanh nghiệp, thương nhân xuất khẩu gạo hiện nay có cơ sở vật chất kỹ thuật lạc hậu, không đủ điều kiện về vệ sinh ATTP. Quy trình công nghệ, quy trình sản xuất chế biến gạo không khép kín gây lãng phí, thất thoát lớn trong quá trình chế biến. Phần lớn các cơ sở chế biến gạo xuất khẩu hiện nay nguyên liệu đầu vào là gạo lật (gạo lứt); Công đoạn bóc vỏ do cơ sở xay xát nhỏ khác thực hiện.

- Gạo thành phẩm sản xuất ra không có nguồn gốc xuất xứ, trong một lô hàng lẫn nhiều loại gạo khác nhau...

Vì vậy việc quy hoạch thương nhân xuất khẩu gạo hiện nay là thật sự cần thiết để thiết lập lại hoạt động xuất khẩu gạo, đồng thời thiết lập lại hệ thống cơ sở sản xuất, chế biến gạo xuất khẩu hiện nay ở nước ta. Nhưng đây là vấn đề lớn cần có đề án nghiên cứu và dự án điều tra về thực trạng thương nhân xuất khẩu gạo Việt Nam để từ đó qui hoạch, hoạch định về hoạt động xuất khẩu gạo, thương nhân xuất khẩu gạo Việt Nam cho những năm tiếp theo.

Tuy nhiên, về qui hoạch thương nhân xuất khẩu gạo Việt Nam, Bộ Nông nghiệp và PTNT đề xuất một số kiến nghị như sau:

- a) Cần quy định tiêu chuẩn thương nhân xuất khẩu gạo, có các tiêu thức:
- + Vốn chủ sở hữu sử dụng kinh doanh lúa, gạo tối thiểu (chẳng hạn tương đương 25 – 30 triệu USD);
  - + Cơ sở vật chất: \* tích lượng kho chứa thóc (kèm theo máy sấy thóc)  
\* tích lượng kho chứa gạo  
\* công suất máy xay xát thóc, gạo liên hoàn
  - + Hệ thống kho tàng, thiết bị máy móc bảo đảm điều kiện VSATTP

b) Cơ sở sản xuất chế biến gạo xuất khẩu của thương nhân phải gắn với qui hoạch vùng nguyên liệu sản xuất lúa hàng hóa. Vì vậy, cần nghiên cứu bổ sung, sửa đổi Nghị định số 109/2010/NĐ-CP theo hướng bổ sung điều kiện các doanh nghiệp, thương nhân xuất khẩu gạo phải là các doanh nghiệp tham gia vào sản xuất, tiêu thụ theo phương thức “Cánh đồng mẫu lớn” hoặc doanh nghiệp có hợp đồng tiêu thụ lúa gạo trực tiếp của nông dân (tổ hợp tác, HTX) mới được tham gia xuất khẩu; theo lộ trình năm 2013 ít nhất 15% lượng gạo xuất khẩu, 30% năm 2014 và 50% sau năm 2015. Đồng thời quy định gạo xuất khẩu phải có nguồn gốc xuất xứ.

c) Nghiên cứu cơ chế quản lý hệ thống thương lái thu mua lúa, gạo theo hướng chuyên nghiệp, có đăng ký kinh doanh, thương lái ký hợp đồng với nông dân sản xuất trên cơ sở hợp đồng ký với doanh nghiệp xuất khẩu về chủng loại giống, chất lượng lúa... và có thể các thương lái cũng được hưởng các chính sách hỗ trợ như doanh nghiệp.

d) Bộ Nông nghiệp và PTNT đề nghị Bộ Công Thương nêu rõ mốc thời gian lấy thông tin, số liệu phục vụ xây dựng Quy hoạch.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xin gửi ý kiến đề quý Bộ tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/cáo);
- Thứ trưởng Bùi Bá Bồng;
- Lưu VT, CB.



**Nguyễn Thị Xuân Thu**